

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 21 tháng 3 năm 2024  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị Ân;
- Bà Phạm Thị Thoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông Mai Minh Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/11/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS, ngày 06/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc L; sinh năm: 1972; dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Cán bộ; CCCD số: 002072004818 do Cục CI – BCA cấp ngày 27/9/2021; nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 18/3/2024).

2. Bị đơn: Bà Đào Thị Hiền T; sinh năm: 1972; dân tộc: Kinh; CCCD số: 025172013667 do Cục CI – BCA cấp ngày 15/9/2021; nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn ngày 20/9/2023, bản tự khai ngày 17/11/2023 và tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 18/3/2024 ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 04/11/1998 ông **L** và bà **T** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Q** (hiện nay là thị trấn **T**) huyện **Q**, tỉnh Hà **Giang**. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn tuy nhiên đến tháng 12/2020 bà **T** tự ý bỏ nhà đi, ông **L** đã báo cáo chính quyền địa phương và cùng gia đình hai bên tìm kiếm nhiều lần nhưng đến nay vẫn không có tung tích gì về bà **T** ở đâu, làm gì. Ông **L** đã gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố bà **T** mất tích, ngày 31/8/2023 Tòa án nhân dân huyện Yên Minh ban hành Quyết định số 12/2023/QĐST-VDS tuyên bố bà **Đào Thị Hiền T** mất tích, nay để ổn định cuộc sống, ông **L** đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà **T**.

Về con chung: Ông **L** xác nhận, ông và bà **T** có ba con chung là **Nguyễn Hoàng Y**, sinh ngày 20/7/1998, **Nguyễn Đào Yên N**, sinh ngày 05/06/2002 và **Nguyễn Duy C**, sinh ngày 25/10/2007, cháu **Nguyễn Hoàng Y** và **Nguyễn Đào Yên N** đã trưởng thành ông **L** không yêu cầu giải quyết, sau khi ly hôn ông **L** đề nghị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Duy C**, không yêu cầu bà **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông **L** xác nhận ông bà không có tài sản chung, vợ chồng không vay nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà **Đào Thị Hiền T** đã bị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 12/2023/QĐST-VDS ngày 31/8/2023. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với bà **Đào Thị Hiền T** nhưng bà **T** không có mặt để tham gia tố tụng.

Ngày 20/9/2023 cháu **Nguyễn Duy C** có đơn trình bày nguyện vọng của con, cháu **C** xin được ở với bố **Nguyễn Ngọc L**.

Tại biên bản xác minh ngày 29/01/2024 đối với ông **Nguyễn Văn H** – Trưởng **Công an xã M**, huyện **Y**, tỉnh Hà **Giang** cung cấp: Bà **Đào Thị Hiền T**, sinh năm 1972 và ông **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1972 cùng trú tại thôn **N**, xã **M**, huyện **Y**, tỉnh Hà **Giang** kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã **Q** (hiện nay là thị trấn **T**, huyện **Q**). Ông bà có 03 con chung là **Nguyễn Hoàng Y**, sinh ngày 20/7/1998, **Nguyễn Đào Yên N**, sinh ngày 05/06/2002 và **Nguyễn Duy C**, sinh ngày 25/10/2007. Tuy nhiên đến tháng 12/2020 bà **T** tự ý bỏ đi khỏi nơi cư trú, không rõ bà **T** đi đâu, làm gì. Đến nay vẫn chưa thấy bà **T** quay trở về địa phương, không có tin tức gì về bà **T**.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền lợi của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Ngọc L, cho ông L được ly hôn với bà Đào Thị Hiền T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy C cho ông L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Đào Thị Hiền T, nơi cư trú cuối cùng tại thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc L và bà Đào Thị Hiền T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 04/11/1998 tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn T), huyện Q, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc L và bà Đào Thị Hiền T là hợp pháp.

[4] Bị đơn bà Đào Thị Hiền T đã bị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 12/2023/QĐST-VDS ngày 31/8/2023.

[5] Về căn cứ cho ly hôn: Ông Nguyễn Ngọc L là chồng của bà Đào Thị Hiền T là người bị Tòa án tuyên bố mất tích xin ly hôn, nên yêu cầu ly hôn với bà T của ông L là có căn cứ, phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Ông L xác nhận, ông và bà T có ba con chung là Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 20/7/1998, Nguyễn Đào Yến N, sinh ngày 05/06/2002 và Nguyễn Duy C, sinh ngày 25/10/2007, cháu Nguyễn Hoàng Y và Nguyễn Đào Yến N đã trưởng thành ông L không yêu cầu giải quyết, sau khi ly hôn ông L đề nghị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Duy C, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ tháng 12/2020 bà T bỏ nhà đi đến nay cháu C vẫn trực tiếp sinh sống cùng bố là ông L, ngoài ra cháu C có đơn nguyện vọng xin được ở cùng bố nên việc giao cháu C cho ông L tiếp tục là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[7] Về tài sản, công nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc L xác nhận không có, vợ chồng không nợ ai hay ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Ngọc L được ly hôn với bà Đào Thị Hiền T.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Duy C**, sinh ngày 25/10/2007 cho ông **Nguyễn Ngọc L** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **C** đủ 18 tuổi, bà **Đào Thị Hiền T** không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Ông **Nguyễn Ngọc L** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ông **L** đã nộp là 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: 0003158 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Chi cục THADS H Yên Minh;
- UBND thị trấn Tam Sơn, huyện Quản Bạ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**



**Đoàn Ngọc Vĩnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thỏa**

**Đỗ Thị Ân**

**Đoàn Ngọc Vĩnh**